

Số: /BC-SYT

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác 3 tháng đầu năm 2022 và nhiệm vụ Quý II năm 2022.

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 3 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương ảnh hưởng đến lĩnh vực y tế 3 tháng đầu năm:

Trong 3 tháng đầu năm, Ngành Y tế tiếp tục chịu tác động của dịch Covid-19, gây áp lực lớn đến công tác của toàn ngành từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở.

2. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu y tế cơ bản 3 tháng:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu y tế cơ bản:

TT	Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	TH 3 tháng
1	Tổng số giường bệnh KH	giường	3.870	3.835
	Trong đó: - Tuyến tỉnh	giường	2.260	2.225
	- Tuyến huyện	giường	1.610	1.610
2	Số giường bệnh KH/ vạn dân	giường	30,2	31,07
3	Số bác sĩ/ vạn dân	người	7,72	7,66
4	Số xã, phường, thị trấn có Trạm Y tế	xã	171	171
5	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có trạm y tế	%	100	98,84
6	Số trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ hoạt động	người	173	173
7	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ hoạt động	%	100	100
8	Số xã, phường đạt chuẩn QG về y tế	Xã	153	153
9	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	88,44	88,44
10	Tỷ lệ trẻ em tử vong dưới 5 tuổi	%o	11,0	Đánh giá cuối năm
11	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi (cân nặng/tuổi)	%	12,5	
12	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT toàn dân	%	93	94,67
13	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái)	người	110,9	110,6

3. Đánh giá những thành tựu đạt được của công tác y tế trong kỳ báo cáo:

3.1. Các hoạt động chuyên môn, cung ứng dịch vụ y tế:

a. Y tế dự phòng, quản lý môi trường y tế:

Toàn ngành tập trung triển khai thực hiện nhiều biện pháp, kế hoạch theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Y tế và Ban chỉ đạo phòng chống dịch Trung ương về phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh Covid-19. Công tác phòng chống dịch thực hiện nghiêm túc theo nguyên tắc 4 tại chỗ, chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực đảm bảo đáp ứng trong mọi tình huống xảy ra¹.

Tích cực đẩy mạnh các giải pháp kiểm soát lây nhiễm tại các cơ sở khám chữa bệnh theo Công văn 4393/BYT-KCB ngày 18/8/2020 của Bộ Y tế; thực hiện tiêu chí Bệnh viện an toàn, tổ chức tập huấn trực tuyến tư vấn chăm sóc, phòng và kiểm soát lây nhiễm; các “Tổ giám sát và truyền thông phòng, chống dịch Covid-19 cộng đồng” tại các địa phương tiếp tục triển khai thực hiện việc theo dõi, giám sát, truyền thông phòng, chống dịch tại các hộ gia đình. Các địa phương tiếp tục thực hiện cách ly, theo dõi theo quy định.

b. An toàn thực phẩm:

Tập trung chỉ đạo truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng, cảnh báo mối nguy ATVSTP, quản lý cấp phép và kiểm tra giám sát thực hiện.

Công tác thanh, kiểm tra từng bước được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả nhờ làm tốt việc tổ chức phối hợp liên ngành. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu về ATVSTP là 93%.

Công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm được triển khai tích cực, công tác bảo đảm ATVSTP phục vụ các ngày lễ kỷ niệm, các sự kiện trọng đại diễn ra trên địa bàn tỉnh được quan tâm đặc biệt và được triển khai một cách chủ động và kịp thời².

c. Khám, chữa bệnh:

Trong 3 tháng đầu năm, Ngành tiếp tục tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tuyến tỉnh và tuyến huyện để đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Do ảnh hưởng của dịch bùng phát mạnh tại các địa phương trong tỉnh, nên

¹ COVID-19: Từ ngày 01/01/2021 đến nay: 27.668 ca bệnh. Trong đó: Số bệnh nhân tử vong: 116; Tổng số ca hiện đang điều trị: 6.182. Tổng số vắc xin theo Quyết định phân bổ của Bộ Y tế 2.766.606 liều. Tổng số vắc xin tỉnh đã nhận: 2.442.156 liều. Lũy tích số người tiêm ít nhất 1 mũi vắc xin: **863.836** người (đạt tỷ lệ 99,6% số người từ 18 tuổi trở lên). Lũy tích số người tiêm 2 mũi vắc xin: **859.730** người (đạt tỷ lệ 99,1% số người từ 18 tuổi trở lên). Số người từ 18 tuổi trở lên đã tiêm chủng mũi 3 (bổ sung/nhắc lại): **531.854** người, đạt tỷ lệ 61,3%. Số trẻ 12 – 17 tuổi đã tiêm chủng 1 mũi vắc xin: **113.670** trẻ (đạt tỷ lệ 99,6%). Số trẻ 12 – 17 tuổi đã tiêm chủng 2 mũi vắc xin: **111.046** trẻ (đạt tỷ lệ 97,3%).

² NĐTP: Trong 3 tháng đầu năm không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

tình hình thu dung bệnh nhân của các cơ sở điều trị trong tỉnh đều giảm mạnh so cùng kỳ năm trước.³

Các biện pháp thực hiện tập trung vào triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo, văn bản pháp quy và các hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế; chỉ đạo các đơn vị xây dựng các kế hoạch phát triển chuyên môn kỹ thuật và nâng hạng bệnh viện; tăng cường thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập; phối hợp với các đơn vị y tế tuyến trung ương tổ chức đào tạo, tập huấn về chuyên môn; tổ chức các hội nghị khoa học; phối hợp với các ngành liên quan trong xây dựng và thực hiện cơ chế chính sách, giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong hoạt động khám chữa bệnh; tham mưu cho UBND tỉnh trong việc bổ sung các nguồn lực cho phát triển sự nghiệp khám, chữa bệnh,...

Đã triển khai hệ thống Hội chẩn từ xa, kết nối giữa các bệnh viện tuyến tỉnh với các bệnh viện tuyến trung ương.

Thành lập và đưa vào hoạt động Bệnh viện Nội tiết với quy mô ban đầu 35 giường nội trú.

Tiếp tục duy trì 02 cơ sở điều trị bệnh nhân Covid-19.

d. Dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản:

Tăng cường công tác truyền thông trên phạm vi toàn tỉnh về nâng cao nhận thức của cộng đồng về chính sách DS - KHHGD. Tiếp tục triển khai các Đề án về nâng cao chất lượng dân số.

Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái): 110,6/100.

3.2. Hệ thống thông tin y tế:

Triển khai thực hiện đề án Hồ sơ sức khỏe điện tử. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hiện đại hóa nền hành chính, thực hiện Chính phủ điện tử (hệ thống iOffice của tỉnh), các bệnh viện đang triển khai hệ thống HIS, liên thông dữ liệu với cổng Bảo hiểm xã hội và cổng Bộ Y tế. Ngành Y tế đã triển khai và duy trì hệ thống giao ban trực tuyến từ tỉnh đến huyện, góp phần thực hiện chỉ đạo xuyên suốt trong thời gian giãn cách xã hội.

3.3. Dược, trang thiết bị và công trình y tế:

Triển khai công tác Đấu thầu cung ứng thuốc, trang thiết bị, hóa chất và vật tư y tế cho hoạt động thường xuyên của các cơ sở y tế trong toàn ngành và

³ Công suất SDGB: Toàn tỉnh 61,23% (Tuyến tỉnh: 68,66%, Tuyến Huyện: 50,81%). Số lần khám bệnh: 414.357 (Tuyến tỉnh: 134.504, tuyến huyện: 165.846, tuyến xã: 114.007)

phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19; Công khai kết quả đấu thầu bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả.

3.4. Tài chính, đầu tư và bảo hiểm y tế:

Triển khai thực hiện các giải pháp bảo đảm lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Triển khai dự án dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi”. Đảm bảo vật tư y tế, phương tiện bảo hộ và chống nhiễm khuẩn, hóa chất phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

3.5. Quản lý nhà nước và điều hành ngành Y tế: Cải cách thủ tục hành chính; Thanh tra, kiểm tra và hợp tác quốc tế.

Chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác y tế. Tham mưu Ban chỉ đạo tỉnh, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy các báo cáo về tình hình dịch bệnh và triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh; Sở Y tế đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị tăng cường công tác giám sát dịch bệnh, đặc biệt công tác phòng, chống dịch Covid-19, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; đảm bảo bố trí nhân lực thường trực khám chữa bệnh, phòng chống dịch.

II. NHIỆM VỤ, CÔNG TÁC QUÝ II NĂM 2022.

1. Xây dựng Kế hoạch phòng, chống bệnh không lây nhiễm năm 2022.
2. Hướng dẫn đơn vị trực thuộc Sở lập kế hoạch phát triển sự nghiệp Y tế năm 2023; xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2023.
3. Tổ chức lựa chọn nhà thầu, hoàn thành kế hoạch đấu thầu thuốc tập trung cấp địa phương tỉnh Quảng Ngãi thuộc kế hoạch 2022-2023.
4. Tổ chức xét nâng lương thường xuyên đợt 1 năm 2022
5. Tổ chức tập huấn cập nhật các văn bản pháp quy về KCB, Y tế dự phòng, Dược,...
6. Kiểm tra công tác vệ sinh lao động, môi trường; tiêm chủng; khám sức khỏe; xác minh thực hành cấp Chứng chỉ hành nghề.
7. Xây dựng, tham mưu ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV lên hạng III năm 2021
8. Thanh tra việc chấp hành các qui định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.
9. Kiểm tra hồ sơ pháp lý; tình hình nhân sự, phạm vi hoạt động, cơ sở vật chất, trang thiết bị, niêm yết giá dịch vụ khám chữa bệnh, xử lý chất thải y tế.

10. Chỉ đạo triển khai tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý chỉ đạo điều hành; Khám, chữa bệnh và thanh toán BHYT./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Bộ Y tế;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban VHXX, HĐND tỉnh;
- Sở KH và Đầu tư,
- Cục Thống kê tỉnh;
- Phòng PA08 (Công an tỉnh);
- Khối thi đua VH-XH;
- GD, các PGD Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các Phòng và Thanh tra Sở Y tế;
- Lưu: VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Minh Đức

Phụ lục: Hoạt động khám chữa bệnh tại tuyến tỉnh và tuyến huyện:

TT	Cơ sở y tế	Giường bệnh Kế hoạch	Tổng số BN nội trú	Tổng số ngày ĐT nội trú	Công suất SDGB (%)	Ngày điều trị Nội trú BQ
A	TỔNG SỐ	3.875	31.418	213.272	60,50	6,76
I	Tuyến tỉnh	2.260	19.122	139.653	67,41	7,26
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	900	7.979	57.883	71,46	7,25
2	BV ĐKKV Đặng Thùy Trâm	260	2.558	17.822	76,16	6,97
3	Bệnh viện Y học cổ truyền	220	352	4.982	25,16	14,15
4	Bệnh viện Phổi	110	748	7.422	74,97	9,92
5	Bệnh viện Sản - Nhi	600	7.045	45.193	83,69	6,41
6	Bệnh viện Tâm thần	110	259	5.573	56,29	21,52
7	Trung tâm Mắt	25	181	778	34,58	4,30
8	Bệnh viện Nội tiết	35	0	0	-	
II	Tuyến huyện	1.610	12.296	73.619	50,81	5,99
1	Huyện Ba Tư	120	1.194	5.080	47,04	4,25
2	Huyện Bình Sơn	230	1.757	12.813	61,90	7,29
3	Huyện Lý Sơn	60	483	2.941	54,46	6,09
4	Huyện Minh Long	80	762	5.420	75,28	7,11
5	Huyện Mộ Đức	170	1.299	7.230	47,25	5,57
6	Huyện Nghĩa Hành	120	1.304	7.036	65,15	5,40
7	Huyện Sơn Hà	150	1.015	5.398	39,99	5,32
8	Huyện Sơn Tây	70	736	4.688	74,41	6,37
9	Huyện Sơn Tịnh	220	1.461	10.532	53,19	7,21
10	Huyện Trà Bồng	170	1.188	4.443	29,04	3,74
11	Huyện Tư Nghĩa	160	746	5.340	37,08	7,16
12	Thành phố Quảng Ngãi	60	351	2.698	49,96	7,69
III	BV Tư nhân				-	
1	BV Mắt KTC	10	586	990	110,00	1,69
2	BV Phúc Hưng	100	3.775	9.841	109,34	2,61